| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2024/DS-PT
Ngày 11 – 3 – 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Tuấn Long.

*Các Thẩm phán*: Bà Lại Thị Hiếu, bà Đinh Thị Mai Lan.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Tùng Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La:*** Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 11 tháng 03 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Vân Hồ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023, Quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số: 06/2023/QĐ-PT ngày 21/04/2023, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 111/2023/QĐPT-DS ngày 30/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2024/QĐ-PT ngày 15/01/2024, Thông báo tiếp tục mở phiên tòa dân sự phúc thẩm số: 341/TB-DS ngày 20/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Lê Doãn T. Địa chỉ: Tiểu khu CQ, thị trấn NM C, huyện MC, tỉnh Sơn La (có mặt).

- Ông Mai Trọng B. Địa chỉ: Tiểu khu C, huyện M, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

2. Bị đơn có yêu cầu phản tố: Bà Đỗ Thị H. Địa chỉ: Bản B1, xã VH, huyện V H, tỉnh Sơn La (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Văn H. Địa chỉ: Tổ N 2, phường TM, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt); Anh Đinh Văn V. Địa chỉ: Bản BN1, xã VH, huyện V H, tỉnh Sơn La (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vàng A C. Bản B1, xã VH, huyện VH, tỉnh Sơn La (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Doãn T, ông Mai Trọng B.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B trình bày:*

Ngày 23/8/2011, ông Lê Doãn T có mua của ông Vàng A T, địa chỉ: Bản B1, xã VH, huyện VH, tỉnh Sơn La 01 mảnh đất có diện tích 2,709m$^2$ tại bản BN 1, xã VH, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La (giáp nhà hàng MCX), có chiều mặt đường quốc lộ 6 là 21,5m, chiều sâu là 129m. Sau khi mua đất của ông T, ông có thỏa thuận chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Đinh Văn V và bà Đỗ Thị H 10,5m mặt đường chiều sâu là hết đất với giá 125.000.000 đồng (hợp đồng chuyển nhượng bằng miệng). Ngày 04/12/2012, bà Đỗ Thị H có vay của ông Lê Doãn Th và ông Mai Trọng B số tiền 158.000.000 đồng, do không có khả năng trả nợ bà H có đề nghị chuyển nhượng lại thửa đất nói trên cho ông T và ông B với giá 158.000.000 đồng khấu trừ vào khoản vay 158.000.000 đồng. Đến tháng 01/2019, bà Đỗ Thị H xin chuộc lại mảnh đất trên để làm nhà kiên cố, ông T và ông B đã nhất trí cho bà H chuộc lại mảnh đất trên với giá 158.000.000 đồng. Ông T, ông B, bà H thỏa thuận tính lãi suất số tiền trên là 10,5%/năm, kể từ ngày 04/12/2012 cho đến khi thanh toán. Việc thỏa thuận lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng. Sau khi bà H chuộc lại mảnh đất, ông T và ông B nhất trí để bà H đứng tên đối với toàn bộ diện tích đất 2.709m$^2$ mua của ông T và 455m$^2$ đất mua của ông Vàng A D.

Ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B yêu cầu bà Đỗ Thị H trả lại 1.814m$^2$ đất có chiều mặt đường quốc lộ 6 là 11m và chiều sâu chạy thẳng hết đất. Yêu cầu bà H trả cho hai ông số tiền 158.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh kể từ ngày 04/12/2012 cho đến nay. Mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 10,5%/năm. Tính đến ngày xét xử, tổng số tiền gốc và tiền lãi là 426.611.000 đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, theo lời khai và đơn yêu cầu phản tố, bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày:*

Năm 2011, bà H, ông T và ông B thống nhất cùng nhau mua chung mảnh đất có chiều dài mặt đường là 21,5m của ông Vàng A T. Do cùng làm ăn và tin tưởng nhau nên cả ba người ủy quyền bằng miệng cho ông Lê Doãn T là người trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng với ông Vàng A T và thỏa thuận bà H được 11m mặt đường, ông T và ông B nhận 10,5m mặt đường. Sau khi nhận chuyển nhượng của ông Vàng A T, ông T và ông B chuyển nhượng toàn bộ phần đất của hai ông cho bà H với giá là 125.000.000 đồng. Ngày 04/12/2012, bà H có vay của ông T và ông B, bà H đã thỏa thuận với ông T và ông B trả lại mảnh đất bà H đã mua lại của hai ông với giá là 158.000.000 đồng. Ông T và ông B nhất trí bán lại mảnh đất và trừ đi số tiền bà H đã vay của hai ông là 158.000.000 đồng.

Đến tháng 01/2019, bà H lại thỏa thuận với ông T và ông B chuộc lại mảnh đất trên với giá 158.000.000 đồng. Ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B nhất trí cho bà H chuộc lại mảnh đất trên. Sau khi nhận chuyển nhượng phần đất có chiều mặt đường quốc lộ 6 là 10,5m, chiều sâu là hết đất. Bà H, ông T và ông B thống nhất đề nghị gia đình ông Vàng A T ký lại hợp đồng chuyển nhượng đất để cho bà H thuận tiện trong việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình làm lại hợp đồng, ông Vàng A T đã chết, anh Vàng A C là người được thừa kế tài sản của ông Vàng A T để lại, trong đó có diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông Lê Doãn T (đất chưa làm thủ tục tách bìa) đã ký lại hợp đồng với nội dung chuyển nhượng đất cho bà Đỗ Thị H. Sau khi ký lại hợp đồng chuyển nhượng với anh Vàng A C, ông T, ông B đã cùng hỗ trợ bà H làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mọi chi phí xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều do bà H chi trả. Đến giữa năm 2019, bà H có nhu cầu làm nhà tại thửa nói trên, ông T là người trực tiếp giúp bà H thuê thiết kế và ký hợp đồng thi công ngôi nhà cho bà H. Thửa đất trên bà H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00711, ngày 08/10/2019, theo Quyết định số 1239/QĐ-VPĐKĐĐ, của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Sơn La mang tên Đỗ Thị H.

Đối với khoản vay 158.000.000 đồng bà H thừa nhận có vay của ông T và ông B, không có thỏa thuận về lãi suất và không ấn định thời hạn thanh toán. Bà H đã trả cho hai ông số tiền trên, nhưng do tin tưởng nhau khi trả nợ, bà không yêu cầu hai ông hủy giấy vay tiền đi, bà tin tưởng hai ông đã hủy giấy vay nợ. Nay ông T và ông B yêu cầu bà trả khoản vay trên bà không nhất trí.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 19/6/2022 của bà Đỗ Thị H yêu cầu ông Lê Doãn Th trả cho bà khoản vay 350.000.000 đồng, ông T vay bà ngày 02/01/2018.

*Đối với yêu cầu phản tố của bà H, ông Lê Doãn T trình bày như sau:*

Ngày 02/01/2018, ông T có vay của bà H 350.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Lê Doãn T thừa nhận có vay của bà H 350.000.000 đồng và nhất trí trả bà H khoản vay trên. Ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B đề nghị khấu trừ toàn bộ khoản tiền 158.000.000 đồng bà H vay của hai ông đối trừ vào khoản 350.000.000 đồng ông T vay bà H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị H nhất trí việc ông T và ông B đề nghị khấu trừ số tiền bà H đã vay của ông T và ông B cho khoản tiền ông T vay của bà H. Yêu cầu ông T thanh toán cho bà số tiền còn thiếu sau khi đối trừ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vàng A C khai:*

Năm 2011, ông Vàng A T là bố đẻ của anh C có bán cho ông Lê Doãn T thửa đất đang tranh chấp. Năm 2019 (do ông Vàng A T đã chết), anh C được quyền thừa kế tài sản của ông T. Ông T và bà H đã đề nghị anh C, ký lại hợp đồng chuyển nhượng đất mà ông T đã ký với ông T từ năm 2011, để thuận tiện cho bà H làm thủ tục tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ông T là người đã trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng đất với ông T, ông T đề nghị anh C ký lại hợp đồng. Anh C cho rằng việc ký lại hợp đồng để thuận lợi cho bà H tách

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh đã ký lại hợp đồng chuyển nhượng cho bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 07/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ đã xét xử và quyết định:

Căn cứ các khoản 7 Điều 3, Điều 4, Điều 166, Điều 179 Luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, 4, 5 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Đỗ Thị H trả lại 1.814m$^2$ đất có chiều mặt đường Quốc lộ 6 là 11m và chiều sâu 129m. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00711, ngày 08/10/2019, cấp cho bà Đỗ Thị H có địa chỉ tại bản B1, xã VH, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B đối với yêu cầu tính lãi khoản vay 158.000.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Đỗ Thị H trả số tiền 158.000.000 đồng. Buộc bà H phải trả cho ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B số tiền 158.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi tám triệu đồng).*

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đỗ Thị H. Buộc ông Lê Doãn T phải trả cho bà Đỗ Thị H số tiền 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng).*

Chấp nhận việc thỏa thuận của các đương sự về việc khấu trừ toàn bộ khoản tiền bà Đỗ Thị H vay hai ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B đối trừ vào tiền ông T vay bà H là 350.000.000 đồng - 158.000.000 đồng = 192.000.000 đồng. Buộc ông Lê Doãn T phải trả cho bà Đỗ Thị H số tiền 192.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi hai triệu đồng).*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/11/2022, nguyên đơn ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét khách quan vụ án, việc bác đơn khởi kiện có tính chất chủ quan, không có căn cứ pháp luật. Yêu cầu tính lãi suất khoản vay 158.000.000 đồng mà bà H phải trả; chấp nhận bù trừ khoản vay của bà H là 350.000.000 đồng, còn phải trả bà H là 192.000.000 đồng. Ngày 29/03/2023, nguyên đơn ông Lê Doãn Th, ông Mai Trọng B có làm đơn kháng cáo bổ sung với nội dung đề nghị: Hủy giấy chúng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đỗ Thị H, có số CS0071 cấp ngày 08/11/2019, do không đảm bảo tính pháp

lý và quyền lợi các bên liên quan. Đề nghị yêu cầu bà Đỗ Thị H trả lại toàn bộ phần diện tích đất của chúng tôi theo thỏa thuận và thanh toán cho chúng tôi theo giá cả thị trường, phần đất bà Đỗ Thị H xây dựng chồng lấn lên phần đất của chúng tôi. Đề nghị Tòa án chấp thuận cho ông Vàng A C đối chứng trực tiếp với chúng tôi. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, đối với nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 07/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Đề nghị cho Hợp tác xã Nông nghiệp, dược liệu Mộc Châu xanh vào quá trình xét xử vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bảo đảm quyền lợi của Hợp tác xã theo luật định.

Tại quyết định số: 01/QĐ-VKS-DS ngày 05/12/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La quyết định kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm về trình tự xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất đang tranh chấp không thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 101 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 07/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La về phần tranh chấp quyền sử dụng đất và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

* Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 20/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất đang tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B, kết quả xác định:

- Tổng diện tích đo đạc theo hiện trạng mà ông Lê Doãn T cho rằng thuộc quyền sử dụng của ông là 5.982,1m$^2$, đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp Cây xăng công ty Tiến Phát và đất ông Lê Doãn T tổng chiều dài 67,86m.

+ Phía Đông Nam giáp đất ông D tổng chiều dài 77,87m.

+ Phía Tây Nam giáp đất ông D tổng chiều dài 28,58m.

+ Phía Tây giáp đất ông Vàng A C tổng chiều dài 193,40m.

+ Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 6 dài 54,74m.

Trong đó:

- Diện tích đất thực trạng bà H đang sử dụng là 3.101,3m$^2$ và theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3.164,7m$^2$ (là diện tích đất hiện đang tranh chấp), thửa đất có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 6 dài 22,80m.

+ Phía Đông giáp Nhà hàng MCX dài 105,54m.

+ Phía Đông Nam giáp đất ông D dài 67,54m.

+ Phía Tây Nam giáp đất bà H mua thêm của ông C là 66,39m.

+ Phía Tây giáp đất ông C dài 55,36m.

- Diện tích đất thực trạng đang sử dụng của Nhà hàng MCXh là 1.539,6m$^2$, thửa đất có tứ cận:

+ Phía Tây giáp đất bà H dài 106,61m.

+ Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 6 dài 30,9m.

+ Phía Đông giáp Cây xăng Công ty Tiến Phát và đất ông T dài 67,86m.

+ Phía Đông Nam giáp đất ông D dài 10,33m.

- Diện tích 1.308,4m$^2$ là diện tích đất bà H mua thêm của ông C, đất có tứ cận:

+ Phía Tây giáp đất ông C dài 58,12m.

+ Phía Tây Nam giáp đất ông D dài 28,58m.

+ Phía Đông giáp đất ông D và bà H dài 63,14m.

+ Phía Đông Bắc giáp đất bà H dài 22,10m.

- Về tài sản nằm trên diện tích đất tranh chấp gồm có:

+ 01 nhà biệt thự (01 tầng, 01 hầm), tường 330mm, nền lát gạch Ceramic, đổ trần bê tông cốt thép, lợp mái ngói với diện tích mặt sàn xây dựng 183,108m$^2$.

+ Bậc lên xuống đổ bê tông, với số lượng (10,4 x 5 x 1,5) + (8,4 x 3 x 3) = 153,6m$^2$.

+ Rọ đá 02m$^3$, với số lượng 200 rọ.

+ Kè xây bằng đá dài 54,94m, rộng 0,5m, cao 2,4m.

+ Tường rào xây gạch chỉ d = 220mm, dài 264m.

+ Tài sản khác trên đất: 18 cây đào, khoảng 05 năm tuổi.

+ 01 bể nước 10m$^3$.

* Tại Kết luận số 04/KL-HĐĐGTS ngày 26/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản theo Quyết định số 69/2023/QĐ-ĐG ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, kết luận:

- Đối với tài sản là đất:

+ Đối với phần diện tích đất ở tại nông thôn 245m$^2$: Giá trị thửa đất ở nông thôn cần định giá là: 7.819.198 đồng/m$^2$ x 245m$^2$ = 1.915.703.575 đồng; Làm tròn: 1.915.704.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ chín trăm mười lăm triệu bảy trăm linh tư nghìn đồng).*

+ Đối với phần diện tích đất trồng cây hàng năm khác 2.992,4m$^2$: Giá trị thửa đất cần định giá là: 40.500 đồng/m$^2$ x 1,1 x 2.992,4m$^2$ = 133.311.420 đồng; Làm tròn: 133.311.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi ba triệu ba trăm mười một nghìn đồng*).

Tổng giá trị thửa đất là: 1.915.704.000 đồng + 133.311.000 đồng = 2.049.015.000 đồng.

- 01 nhà biệt thự (01 tầng, 01 hầm), tường xây 330mm, nền lát gạch Ceramíc, đổ trần bê tông cốt thép, lợp mái ngói, diện tích sàn xây dựng 183,108m2/tầng: Vận dụng đơn giá nhà 2 tầng, khung bê tông cốt thép chịu lực, tường xây 220mm, sàn bê tông cốt thép, lợp ngói là 366,216$m^2$ x 5.003.186 đồng/$m^2$ = **1.832.246.764** đồng.

- Bậc lên xuống đổ bê tông, số lượng (10,4 x 5 x 1,5) + (8,4 x 3 x 3) = 153,6$m^3$ x 1.386.000 đồng/$m^2$ = **212.889.600** đồng.

- Rọ đá 2$m^3$, số lượng 200 rọ là 200 rọ x 708.000 đồng/rọ = **141.600.000** đồng.

- Kè xây bằng đá (54,94 x 0,5 x 2,4) = 65,928$m^3$ x 1.339.000 đồng/$m^3$ = **88.277.592** đồng.

- Tường rào xây gạch chỉ; d=220mm; dài 264m x 422.000 đồng/m = **44.563.200** đồng.

- 01 bể nước 10$m^3$ x 2.100.000 = 21.000.000 đồng.

- 18 cây đào, trồng trên 5 năm: 18 cây x 600.000 đồng/cây = 10.800.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trên đất (nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu) là 2.340.577.000 đồng + 10.800.000 đồng = 2.351.377.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là đất và tài sản trên đất tranh chấp giữa ông Lê Doãn Thành và bà Đỗ Thị Hương là 2.049.015.000 đồng + 2.351.377.000 đồng = **4.400.392.000** đồng *(Bằng chữ: Bốn tỷ bốn trăm triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn).*

Ngày 12/9/2023, ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B gửi Đơn tố cáo đến Phòng Cảnh sát Kinh tế - Công an tỉnh Sơn La với nội dung tố giác hành vi làm giả hồ sơ, chiếm đoạt tài sản của bà Đỗ Thị H và ông Vàng A C đối với hồ sơ mua bán mảnh đất có diện tích 1.308,4$m^2$ tại bản Bó N1, xã VH, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Tại công văn số: 18/TB-CSKT ngày 14/9/2023 của Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Sơn La kết luận nội dung vụ việc theo đơn tố cáo của ông Lê Doãn T, Mai Trọng B là nội dung tranh chấp dân sự, không có dấu hiệu tội phạm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Lê Doãn T, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị chấp nhận quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 05/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La quyết định kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm.

- Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Đinh Văn V: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La. Đề nghị giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm xét kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Trọng B.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Doãn T.

Đề nghị chấp nhận thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La về trình tự thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích thửa đất đang tranh chấp: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 07/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La về trình tự xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất đang tranh chấp theo diện tích đất, tứ cận đất đất thực tế đang quản lý sử dụng của bà Đỗ Thị H. Lý do Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục được trong quá trình giải quyết phúc thẩm và để đảm bảo thi hành bản án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B đều là người cao tuổi đề nghị miễn án phí dân sự phúc thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị H trả lại 1.814m$^2$ đất có địa chỉ tại bản B1, xã V, huyện VH, tỉnh Sơn La và yêu cầu bà Đỗ Thị H trả khoản vay là 158.000.000 đồng, bị đơn bà Đỗ Thị H có yêu cầu phản tố yêu cầu ông Lê Doãn T trả khoản vay là 350.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản là đúng thẩm quyền, đúng quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Doãn T, ông Mai Trọng B ngày 13/11/2022 đã thực hiện đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét đơn kháng cáo bổ sung ngày 29/03/2023 của nguyên đơn ông Lê Doãn T, ông Mai Trọng B, xét thấy đơn kháng cáo bổ sung đã hết thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu và vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận đơn kháng cáo bổ sung ngày 29/03/2023 của nguyên đơn ông Lê Doãn T, ông Mai Trọng B.

[1.3] Xét đề nghị của nguyên đơn ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B có đơn đề nghị yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng đối với Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Tại quyết định số 20/2023/QĐ-TA ngày 03/11/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc thay đổi Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa. Đã được Tòa án nhân dân cấp cao giải quyết khiếu nại theo đúng quy định của tố tụng dân sự và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Doãn T tiếp tục yêu cầu xin thay đổi Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa với lý do không vô tư trong khi làm nhiệm vụ. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Lê Doãn T là không có căn cứ, không xuất trình được tài liệu chứng cứ cho rằng Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa không vô tư trong xét xử. Do đó, không chấp nhận yêu cầu thay đổi Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

[1.4] Nguyên đơn ông Mai Trọng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Cho đến phiên tòa theo Thông báo số 341/TB-DS ngày 20/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo; Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Trọng B, vận dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người kháng cáo không có mặt theo quy định theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, song người kháng cáo ông Lê Doãn T có mặt, Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị Tòa phúc thẩm xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với quyết định kháng nghị và kháng cáo của ông Lê Doãn T.

[1.5] Về thời hạn kháng nghị: Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 29/9/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 07/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La trong thời hạn luật định. Thực hiện đúng quy định tại Điều 278, Điều 279, khoản 1 Điều 280, Điều 281 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, quyết định kháng nghị được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.6] Xét việc thay đổi căn cứ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát không vượt quá phạm vi kháng nghị ban đầu được quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được xem xét chấp nhận.

[2] Xét thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La về trình tự thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất đang tranh chấp:

[2.1] Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La có ghi *"... diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất 6b"* nhưng sơ đồ trích đo thửa đất lại ghi thửa đất số 6d. Xét thấy đây là sai sót tai cấp sơ thẩm về lỗi chính tả trong quá trình soạn thảo và ghi biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm, Hội đồng xét xử cần đính chính lại thông tin trên theo trích đo diện tích thửa đất ghi trong bản đồ là thửa đất số 6d thuộc tờ bản đồ số 302576-8-c, địa chỉ tại bản Bó Nhàng 1, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La có diện tích 3.164,7m$^2$ đã được cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số CS302921 ngày 08/10/2019 mang tên bà Đỗ Thị H.

[2.2] Về việc không có các hộ liền kề tham gia chứng kiến quá trình xem xét thẩm định tại chỗ do có sai sót của cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không đề nghị các hộ liền kề tham gia chứng kiến giáp ranh giữa các hộ liền kề. Qua đối chiếu hồ sơ địa chính các hộ liền kề giáp ranh giữa hộ chị Đỗ Thị H là ông Sồng A D, ông Sồng A C qua kết quả ủy thác điều tra của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La. Ông Sồng A D, Sồng A C đều nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm đều xác nhận không có tranh chấp giữa các hộ liền kề và nhất trí theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La và đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/4/2023.

Về việc nội dung khi xem xét thẩm định tại chỗ Tòa án cấp sơ thẩm không mời Hợp tác xã nông nghiệp - dược liệu MX tham gia chứng kiến quá trình xem xét thẩm định tại chỗ . Hội đồng xét xử xét thấy ông Lê Doãn T đã là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã nông nghiệp - dược liệu MCX và ông Mai Trọng B là Ủy viên Hợp tác xã. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm đều thể hiện sự có mặt chứng kiến và có chữ ký của ông Lê Doãn T, ông Mai Trọng B. Như vậy, thành phần người chứng kiến quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ là đầy đủ.

[2.3] Về ý kiến không có chữ ký hoặc điểm chỉ của đương sự trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án sơ thẩm: Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La thành phần các đương sự gồm: Nguyên đơn ông Lê Doãn T, ông Mai Trọng B "đều có mặt", bị đơn bà Đỗ Thị H "vắng mặt" người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn H "có mặt", người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vàng A C "có mặt". Ngoài ra, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và sơ đồ trích đo thửa đất đều thể hiện đầy đủ chữ ký của các đương sự và không có ý kiến nào khác.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án ngày 29/8/2022, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất đang có tranh chấp. Có những vi phạm thiếu sót về trình tự thủ tục tố tụng. Tuy nhiên quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm đã được khắc phục và đã được tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại diện tích đất đang có tranh chấp. Xét thấy Bản án dân sự sơ thẩm 01/2022/DS-ST ngày 07/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Đỗ Thị H trả lại 1.814m$^2$ đất có chiều mặt đường quốc lộ 6 là 11m và chiều sâu 129m. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00711, ngày 08/10/2019, cấp cho bà Đỗ Thị H có địa chỉ tại bản B1, xã VH, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La là có căn cứ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không xác định tứ cận đất tranh chấp là không đảm bảo cho quá trình thi hành bản án. Mặt khác, theo biên bản thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm xác định diện tích sử dụng đất thực tế thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo tính sử

dụng và ổn định lâu dài của đương sự. Xét thấy cần tuyên diện tích đất, tứ cận đất của bà Đỗ Thị H theo diện tích đất thực tế đang quản lý sử dụng của bà Đỗ Thị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Đỗ Thị H có quyền và nghĩa vụ đến liên hệ với văn phòng đăng ký quản lý đất đai làm thủ tục đăng ký biến động đất đai và xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng đất sử dụng.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Doãn T:

[3.1] Đối với yêu cầu bà Đỗ Thị H trả lại 1.814m$^2$ đất có chiều dài mặt đường Quốc lộ 6 là 11m, chiều sâu chạy thẳng hết đất:

Năm 2011, sau khi nhận chuyển nhượng của ông Vàng A T thửa đất có diện tích 2.709m$^2$ địa chỉ tại bản B 1, xã VH, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Ông Lê Doãn T tiếp tục chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị H thửa đất có chiều dài mặt đường quốc lộ 6 là 10,5m, chiều sâu chạy thẳng hết đất. Việc chuyển nhượng giữa ông Lê Doãn T và bà Đỗ Thị H được giao kết bằng miệng, không được lập thành văn bản, không có người làm chứng tuy nhiên đã được cả hai bên đều thừa nhận, do đó giao dịch chuyển nhượng đất trên hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên cũng đều khai nhận ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B nhất trí để bà H đứng tên nhận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất có diện tích 3.164,7m$^2$ thuộc thửa đất số 6d, tờ bản đồ số 302576-8-c địa chỉ tại bản BN, xã VH, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La (có bao gồm cả thửa đất có chiều dài mặt đường quốc lộ 6 là 11m, chiều sâu đến hết đất). Việc thỏa thuận này không được lập thành văn bản ủy quyền, không có người làm chứng, chứng thực. Sau khi bà Đỗ Thị H đứng tên hợp đồng chuyển nhượng đất với anh Vàng A C, mọi chi phí xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều do bà Đỗ Thị H chi trả, ông Lê Doãn T là người trực tiếp liên hệ làm thủ tục hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đỗ Thị H và ông T cũng xác nhận. Trên thực tế, thửa đất số 6d, thuộc tờ bản đồ số 302576-8-c, địa chỉ tại bản B 1, xã VH, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La có diện tích 3.164,7m$^2$ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS302921 ngày 08/10/2019 mang tên bà Đỗ Thị H. Như vậy, quá trình giao dịch chuyển nhượng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị H đều hợp pháp, không trái quy định của pháp luật, mặt khác bà Đỗ Thị H đã xây dựng nhà công trình kiên cố trên diện tích đất tranh chấp, khi xây dựng ông T và ông B biết nhưng không phản đối. Tại cấp phúc thẩm không phát sinh tình tiết mới, Tòa án sơ thẩm xác định bà Đỗ Thị H là người có quyền sử dụng đối với thửa đất đang tranh chấp và Bản án dân sự sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với khoản vay 158.000.000 đồng *(một trăm năm mươi tám triệu đồng)*, hai bên đều xác nhận bà Đỗ Thị H có vay của ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B số tiền 158.000.000 đồng vào ngày 04/12/2012, có viết giấy vay tiền. Tuy nhiên trong giấy vay tiền không thể hiện yêu cầu trả tiền lãi của ông Lê Doãn T đối với khoản vay, chỉ hẹn thời hạn trả. Ngày 02/01/2018, ông Lê Doãn T có

vay của bà Đỗ Thị H số tiền 350.000.000 đồng, có giao kết bằng văn bản có chữ ký của hai bên và cũng không thể hiện yêu cầu trả tiền lãi. Ngoài ra không có chứng cứ chứng minh nào khác thể hiện hai bên đã hoàn trả khoản tiền đã vay cho nhau. Do vậy, Tòa án sơ thẩm quyết định đối trừ khoản tiền 158.000.000 đồng bà H vay ông T vào khoản tiền 350.000.000 đồng ông T vay bà H và ông T phải hoàn trả cho bà H số tiền 192.000.000 đồng còn lại và chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận tại phiên tòa là có căn cứ. Về việc yêu cầu tính lãi số tiền vay là 158.000.000 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn từ ngày 04/12/2012 cho đến nay. Xét thấy hai bên cho vay không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn vay tiền, Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở về việc tính lãi suất với số tiền cho vay là có căn cứ đúng quy định.

[4] Từ những nhận định, phân tích nêu trên, đình chỉ xét xử kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Trọng B; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Doãn T; Chấp nhận thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La về trình tự thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích thửa đất đang tranh chấp theo diện tích đất thực tế đang quản lý sử dụng của bà Đỗ Thị H: Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí, chi phí tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung tại cấp phúc thẩm là 12.968.000 đồng *(Mười hai triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn),* do nguyên đơn nộp tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng nêu trên. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng (đã thu và đã chi).

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Lê Doãn Thành và ông Mai Trọng Bình là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 284, khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số; 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Trọng B.

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Doãn T.

3. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 07/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La về trình tự thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích thửa đất đang tranh chấp như sau:

Căn cứ các khoản 7 Điều 3, Điều 4, Điều 166, Điều 179 Luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Doãn T ông Mai Trọng B yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị H trả lại 1, 814m$^2$ đất có chiều mặt đường Quốc lộ 6 là 11m và chiều sâu 129m. Diện tích đất thực tế bà Đỗ Thị H đang quản lý và sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1239, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00711, ngày 08/10/2019, cấp cho bà Đỗ Thị H có địa chỉ tại bản B1, xã VH, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. (Kèm theo sơ đồ trích đo địa chính ngày ngày 20/4/2023).

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Đỗ Thị H trả số tiền đã vay 158.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi tám triệu đồng)*. Buộc bà H phải trả cho ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B số tiền 158.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi tám triệu đồng).*

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B đối với yêu cầu tính lãi khoản vay 158.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi tám triệu đồng).*

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đỗ Thị H. Buộc ông Lê Doãn T phải trả cho bà Đỗ Thị H số tiền 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng).*

- Chấp nhận việc thỏa thuận của các đương sự về việc khấu trừ toàn bộ khoản tiền bà Đỗ Thị H vay hai ông Lê Doãn Th và ông Mai Trọng B đối trừ vào tiền ông T vay bà H là 350.000.000 đồng - 158.000.000 đồng = 192.000.000 đồng. Buộc ông Lê Doãn Th phải trả cho bà Đỗ Thị H số tiền 192.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi hai triệu đồng)*.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí, chi phí tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Nguyên đơn ông Lê Doãn T ông Mai Trọng B phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 12.968.000 đồng *(Mười hai triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn)*, nguyên đơn đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng (đã thu và đã chi).

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Doãn T và ông Mai Trọng B đều là người cao tuổi được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 11/03/2024).

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.*

***Nơi nhận:***
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Tuấn Long**